

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2023

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.  
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài.  
Bà Đào Thị Giang.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 231/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Đức H, sinh năm: 1975.  
- Bị đơn: Chị Phạm Thị Minh C, sinh năm: 1977.  
Cùng địa chỉ: Số 6A, đường 12, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai  
(các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- *Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản làm việc có trong hồ sơ vụ án, anh Trần Đức H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Minh C tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T (nay là huyện T), tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/6/2001. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung; hiện anh H và chị C không còn chung sống với nhau từ năm 2022 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không hạnh phúc nên anh yêu cầu được ly hôn với chị C.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Minh H, sinh năm: 2002 và Trần Thị Hoàng V, sinh năm: 2004. Các cháu đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 22/5/2023, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn chị Phạm Thị Minh C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có trình bày.**

**Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của anh H là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho anh H được ly hôn với chị C. Về con chung: Các con đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Anh H trình bày tự thỏa thuận, nợ chung: Anh H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Anh H phải nộp án phí theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Trần Đức H nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị Minh C, sinh năm: 1977, địa chỉ: Số 6A, đường số 12, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là “Ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Anh H nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt; chị C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Anh H và chị C tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã Q, huyện T (nay là huyện T), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 37/KH ngày 25/6/2001 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H kiên quyết yêu cầu được ly hôn với chị C, hiện không ai quan tâm nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Đồng thời, quá

trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập chị C để làm việc nhưng chị C vắng mặt không có lý do, thể hiện việc chị C không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa anh H và chị C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu ly hôn với chị C là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

**3.2 - Về con chung:**

Anh chị có 02 con chung là Trần Minh H, sinh năm 2002 và Trần Thị Hoàng V, sinh ngày 22/02/2004. Các cháu đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**3.3 - Về tài sản chung:** Anh H trình bày tự thỏa thuận nên không xem xét.

**3.4 - Về nợ chung:** Anh H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010); Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đức H về việc “Ly hôn” với chị Phạm Thị Minh C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức H được ly hôn với chị Phạm Thị Minh C.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Trần Minh H, sinh năm 2002 và Trần Thị Hoàng V, sinh ngày 22/02/2004. Các cháu đã thành niên và có khả năng lao động nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Anh Trần Đức H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nh trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002565 ngày 08/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Anh Trần Đức H đã nộp đủ án phí.

5. Anh Trần Đức H, chị Phạm Thị Minh C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAT, THA, VKS;
- Đường sự;
- UBND xã Q.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương**